

SỞ Y TẾ QUẢNG TRỊ
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
TCVN ISO 9001:2015

QUY TRÌNH
THỰC HIỆN THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ
ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT,
KINH DOANH DỊCH VỤ ĂN UỐNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA
UBND CẤP TỈNH (THỰC HIỆN TẠI CẤP TỈNH)

Ký mã hiệu : QT.NV.02
Lần ban hành/Sửa đổi: 01/00

Trách nhiệm	Soạn thảo	Soát xét	Phê duyệt
Họ và tên	Nguyễn Thị Minh Tuyết Phó Trưởng phòng Ngh nghiệp vụ	Lê Quốc Dũng Phó Chi cục trưởng	Hoàng Đình Ân Chi cục trưởng
Ngày ký	23/10/2024	25/10/2024	30/10/2024
Chữ ký			

MỤC LỤC

THEO DÕI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

THEO DÕI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Ngày	Nội dung sửa đổi	Ban hành/Sửa đổi
30/10/2024	Ban hành lần đầu	01/00

1. MỤC ĐÍCH

Quy trình này mô tả cụ thể việc xử lý hồ sơ với thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (thực hiện tại cấp tỉnh).

Đảm bảo giải quyết thủ tục hành chính một cách nhanh chóng, hiệu quả và đúng quy định.

2. PHẠM VI

Quy trình này hướng dẫn công chức phòng Nghiệp vụ thực hiện việc tiếp nhận, xử lý và trả kết quả đối với hồ sơ Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (thực hiện tại cấp tỉnh).

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;
- Thông tư 67/2021/TT-BTC quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;
- Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND Ban hành quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý ngành Y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Thông tư số 53/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu chuyên môn nghiệp vụ ngành Y tế;
- Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 02/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Quyết định số 30/QĐ-CC ngày 19/4/2023 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Quảng Trị Quyết định ban hành nội dung các quy định về ATTP áp dụng trong công tác thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất nước uống đóng chai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

4.1. Định nghĩa (Giải thích từ ngữ)

- Không có

4.2. Viết tắt

TT	Chữ viết thường	Chữ viết tắt
1	An toàn vệ sinh thực phẩm	ATVSTP
2	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	CC

5. NỘI DUNG HƯỚNG DẪN

5.1. Thành phần hồ sơ, yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

5.1.1. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của CC theo quy định tại Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND Ban hành quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý ngành Y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

5.1.2. Thành phần hồ sơ:

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền quản lý của CC bao gồm:

TT	Thành phần hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 01 phụ lục I Nghị định 155/2018/NĐ-CP.	01 b	
2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất (có xác nhận của cơ sở).		
3	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm		

4	Danh sách chủ cơ sở và người sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.		
5	Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp		

*** Ghi chú:**

- Bản sao giấy đăng ký kinh doanh: Với doanh nghiệp có địa chỉ xin cấp giấy không trùng địa chỉ văn phòng, phải có bản sao giấy chứng nhận chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh tại địa chỉ đề nghị cấp giấy.

- Giấy khám sức khỏe: Giấy khám sức khỏe khám tại đơn vị khám chỉ định khám sức khỏe và đầy đủ các xét nghiệm không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp.

5.2. Nơi tiếp nhận, trả kết quả, thời gian xử lý thủ tục và phí

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí thẩm định cơ sở
* Nơi Tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả TTHC của Sở Y tế tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Trị * Nơi xử lý TTHC: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Quảng Trị * Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm, theo Mẫu số 03 Phụ lục I của Nghị định 155/2018/NĐ-CP hoặc Công văn trả lời CC với	- Các hồ đúng và đầy đủ theo quy định Tổng thời gian xử lý hồ sơ 16 ngày làm việc. - Các hồ sơ có yêu cầu sửa đổi, bổ sung, CC có thông báo bằng văn bản cho cơ sở trong thời hạn 05 làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ. Trường hợp quá 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo, cơ sở không bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu thì hồ sơ của cơ sở không còn giá trị. - Các hồ sơ có kết quả thẩm định tại cơ sở chưa đạt yêu cầu và có thể khắc phục. Trong thời gian không quá 30 ngày cơ sở phải khắc phục.	- Phí Thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống: + Phục vụ dưới 200 suất ăn: 700.000 đồng/lần/cơ sở + Phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở - Phí Thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm: + Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000 đồng/lần/cơ sở + Đối với cơ sở sản xuất khác (bao gồm cả cơ sở vừa

các hồ sơ không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận	Sau khi có báo cáo kết quả khắc phục của cơ sở, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Đoàn thẩm định CC đánh giá cấp giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối cấp giấy.	sản xuất vừa kinh doanh) được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở
--	--	--

5.3. Trình tự xử lý công việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Diễn giải	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nhận hồ sơ	Chuyên viên phòng Nghiệp vụ của CC được giao nhiệm vụ	Hồ sơ được Chuyên viên phòng nghiệp vụ của CC được giao nhiệm vụ nhận từ Trung tâm phục vụ hành chính công qua hệ thống điện tử thông tin giải quyết TTHC tỉnh Quảng Trị và hồ sơ giấy từ bưu điện.	Bộ hồ sơ
B2	Thẩm xét hồ sơ	Tổ thẩm xét hồ sơ theo Quyết định CC	Tổ thẩm xét hồ sơ theo Quyết định CC: tiến hành thẩm xét thành phần, nội dung, tình hợp pháp, hợp lý của hồ sơ theo quy định tại Khoản 3, Điều 2 của Nghị định số 155/2018/NĐ-CP. + Nếu hồ sơ đạt yêu cầu, Tổ thẩm xét hồ sơ chuyển cho Chuyên viên phòng nghiệp vụ của CC được giao nhiệm vụ dự thảo và trình lãnh đạo CC phê duyệt Quyết định thành lập đoàn thẩm định.	- Biên bản thẩm xét hồ sơ của Tổ thẩm xét hồ sơ. - Quyết định thẩm định hoặc Văn bản trả lời cơ sở.

			+ Nếu hồ sơ chưa đạt yêu cầu, Tổ thẩm xét hồ sơ chuyển cho Chuyên viên phòng nghiệp vụ của CC được giao nhiệm vụ dự thảo và trình lãnh CC phê duyệt Công văn trả lời cơ sở. Thời gian thẩm xét đến khi ban hành văn bản trả lời cơ sở không quá 05 ngày làm việc. Chuyên viên phòng nghiệp vụ được giao nhiệm vụ chuyển trả văn bản cho cơ sở bằng bản giấy và trả bổ sung trên hệ thống điện tử thông tin giải quyết TTHC tỉnh Quảng Trị. Lưu ý: Hồ sơ chỉ được yêu cầu, sửa đổi bổ sung 01 lần duy nhất.	
B3	Chuẩn bị công tác thẩm định	Thư ký đoàn thẩm định	Thư ký đoàn thẩm định có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, chuẩn bị phiếu đánh giá cho các thành viên, giấy tờ liên quan đến chế độ, đăng ký lịch thẩm định, phương tiện đi lại của đoàn thẩm định với phòng Tổng hợp, thông báo thời gian thẩm định cho cơ sở được thẩm định. Lưu ý: Đoàn thẩm định có số lượng thành viên: 03 đến 05 người. Trong đó có ít nhất 02 thành	- Mẫu Biên bản thẩm định. - Phiếu đánh giá cho các thành viên. - Giấy tờ phục vụ cho công tác thanh toán

			viên làm công tác về an toàn thực phẩm. Gồm: + Trưởng đoàn: Lãnh đạo Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm. + Thành viên: Cán bộ Chi cục ATVSTP (tối đa 03 người), mời 01 cán bộ Phòng Y tế huyện, thị xã, thành phố nơi đến thăm định, mời cán bộ Sở Công Thương hoặc Chi cục quản lý Chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản (nếu cơ sở ngoài sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống còn sản xuất các sản phẩm khác thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương hoặc ngành Nông nghiệp).	
B4	Tổ chức thăm định và đánh giá kết quả	Đoàn thăm định	Đoàn thăm định tiến hành thăm định thực tế tại cơ sở và ghi kết quả thăm định vào Biên bản thăm định theo mẫu số 02 Phụ lục I của Nghị định số 155/2018/NĐ-CP. Nội dung thăm định theo quy định tại Khoản 2, Điều 2, Nghị định số 155/2018/NĐ-CP. Lưu ý: Thời gian đoàn thăm định thực hiện thăm định không quá 12 ngày	- Phiếu đánh giá các thành viên. - Biên bản thăm định theo mẫu số 02 Phụ lục I của Nghị định số 155/2018/NĐ-CP

			làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ.	
B5	Tham mưu hoàn thiện thủ tục hành chính	Thư ký Đoàn (hoặc chuyên viên phòng nghiệp vụ được giao nhiệm vụ)	Thư ký Đoàn (hoặc chuyên viên phòng nghiệp vụ được giao nhiệm vụ) căn cứ Biên bản thẩm định thực hiện các nhiệm vụ: + Trường hợp Đạt: Dự thảo và trình phê duyệt Giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo mẫu số 03 Phụ lục I của Nghị định số 155/2018/NĐ-CP. + Trường hợp Không đạt: Dự thảo Văn bản thông báo kết quả thẩm định cho cơ sở và Chính quyền địa phương nơi cơ sở đăng ký hoạt động. + Trường hợp Chờ khắc phục: Theo dõi việc khắc phục của cơ sở và trình Đoàn thẩm định khi cơ sở đã khắc phục xong; Dự thảo và trình phê duyệt Giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo mẫu số 03 Phụ lục I của Nghị định số 155/2018/NĐ-CP nếu cơ sở có kết quả khắc phục đạt hoặc Văn bản thông báo kết quả thẩm định cho cơ sở và Chính quyền	- Giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo mẫu số 03 Phụ lục I của Nghị định số 155/2018/NĐ-CP hoặc văn bản thông báo kết quả thẩm định không đạt

			địa phương nơi cơ sở đăng ký hoạt động nếu cơ sở có kết quả khắc phục không đạt.	
B6	Lưu trữ hồ sơ và trả kết quả	- Thư ký Đoàn (hoặc chuyên viên phòng nghiệp vụ được giao nhiệm vụ). - Chuyên viên giao tiếp nhận hồ sơ	Thư ký Đoàn (hoặc chuyên viên phòng nghiệp vụ được giao nhiệm vụ) kiểm tra và tiến hành bàn giao bản giấy Giấy chứng nhận hoặc Văn bản trả lời cơ sở cho Văn thư cơ quan trả lại cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả TTHC của Sở Y tế tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Trị; Lưu trữ hồ sơ theo quy định. Chuyên viên được giao nhiệm vụ tiến hành trả kết quả trên hệ thống điện tử thông tin giải quyết TTHC tỉnh Quảng Trị.	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	Mẫu số 01 phụ lục I Nghị định 155/2018/NĐ-CP.	Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
2	Mẫu số 02 phụ lục I Nghị định 155/2018/NĐ-CP.	Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm cơ sở
3	Mẫu số 03 Phụ lục I Nghị định số 155/2018/NĐ-CP	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

7. HỒ SƠ CẦN LƯU: Hồ sơ được lưu 03 năm tại phòng Nghiệp vụ trước khi chuyển qua kho lưu trữ.

Thành phần hồ sơ lưu: lưu theo từng hồ sơ bao gồm

TT	Hồ sơ lưu	Thời hạn lưu	Nơi lưu
1	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	- 03 năm đầu tại phòng Nghiệp vụ - 20 năm sau tại kho lưu trữ cơ quan	Hồ sơ cơ sở lưu tại phòng Nghiệp vụ hoặc kho lưu trữ cơ quan
2	Phiếu thẩm xét hồ sơ của Tổ thẩm xét		
3	Quyết định thành lập Đoàn thẩm định cơ sở đủ điều kiện ATTP		
4	Phiếu đánh giá hoặc phiếu tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên		
5	Biên bản thẩm định		
6	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 01 phụ lục I Nghị định 155/2018/NĐ-CP.		
7	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất (có xác nhận của cơ sở).		
8	Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm		
9	Danh sách chủ cơ sở và người sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.		
10	Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp		
11	Giấy tờ khác (Phiếu xét nghiệm nguồn nước, giấy ủy quyền, giấy cho phép sang chiết,...)		

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Nghị định 155/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/11/2018)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày tháng năm 20

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi :

Họ và tên chủ cơ sở:

Tên cơ sở sản xuất đề nghị cấp Giấy chứng nhận:

.....

Địa chỉ cơ sở sản xuất:.....

.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Đề nghị được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho sản xuất (loại thực phẩm và dạng thực phẩm...):.....

.....

CHỦ CƠ SỞ

(ký tên & ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

(Ban hành kèm theo Nghị định 155/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/11/2018)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

BIÊN BẢN

Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm cơ sở

Thực hiện Quyết định số, ngàythángnăm..... của
.....

Hôm nay, ngàytháng..... năm, Đoàn thẩm định gồm có:

1Trưởng đoàn

2Thư ký

3Thành viên

4Thành viên

5Thành viên

tiến hành thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở:

.....

Địa chỉ:

Điện thoạiFax

Đại diện cơ sở: 1

2.....

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

I. KIỂM TRA HỒ SƠ GỐC:

1. Thông tin về Giấy chứng nhận kinh doanh/Giấy đăng ký doanh nghiệp.

2. Hồ sơ nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến, nguồn nước sản xuất.

3. Hồ sơ xác nhận sức khỏe, tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất.

II. KIỂM TRA THỰC TẾ VỀ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM:

1. Địa điểm, diện tích cơ sở, khu vực sản xuất/chế biến.
2. Thiết kế, kết cấu nhà xưởng sản xuất/chế biến, kho, nhà vệ sinh, nơi thay đồ bảo hộ lao động, cống rãnh thoát nước, nơi thu gom, xử lý chất thải.
3. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến, bao gói, bảo quản, vận chuyển, phòng chống côn trùng và động vật gây hại...
4. Nguồn nước sản xuất, chế biến thực phẩm/thức ăn.
5. Nguyên liệu thực phẩm, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến và bao bì/dụng cụ chứa đựng thực phẩm/thức ăn.
6. Sức khỏe/bệnh truyền nhiễm cấp tính của người sản xuất/chế biến
7. Các nội dung khác có liên quan.

III. ĐÁNH GIÁ VÀ KẾT LUẬN:

1. Đánh giá việc đáp ứng của cơ sở đối với các yêu cầu điều kiện an toàn thực phẩm (Điều kiện về địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ, nguyên liệu, nguồn nước, thực hành vệ sinh...):
2. Tồn tại và biện pháp giải quyết:
3. Kết luận⁽¹⁾:

Đạt ☐

Không đạt ☐

Chờ hoàn thiện ☐

Thời hạn hoàn thiện: ☐ ngày kể từ ngày thẩm định.

4. Ý kiến của cơ sở được thẩm định:

Biên bản kết thúc hội:giờ ngày tháng năm và lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau. Một bản do cơ quan thẩm định giữ và một bản do chủ cơ sở giữ.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên)

IV. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ KHẮC PHỤC (ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP CHỜ HOÀN THIỆN)

Đạt ☐

Không đạt ☐

Lý do không đạt:

.....

...., ngày...tháng...năm 20...

TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Ghi rõ tên nhóm, dạng thực phẩm được sản xuất hoặc kinh doanh dịch vụ ăn uống

Mẫu số 03

(Ban hành kèm theo Nghị định 155/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/11/2018)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ QUAN CẤP **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../20..../ATTP-CNĐK

GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM CHỦ CƠ SỞ

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH

.....⁽¹⁾

GIẤY CHỨNG NHẬN NÀY CÓ GIÁ TRỊ 3 NĂM KỂ TỪ NGÀY KÝ

....., ngày... tháng... năm...

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CẤP

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Ghi rõ tên nhóm, dạng thực phẩm được sản xuất hoặc kinh doanh dịch vụ ăn uống